

Số: 13/TB-THPT.NHH

Thành phố Thủ Đức, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022 – 2023

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2023	634	670	719
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2033 99,51%	633 99,84%	669 99,85%	711 98,89%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	09 0,45%	01 0,16%	01 0,15%	07 0,97%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,04%	0 0,00%	0 0,00%	01 0,14%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực	2023	634	670	719
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1649 81,52%	540 85,17%	555 82,84%	554 77,05%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	365 18,04%	93 14,67%	109 16,27%	163 22,67%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	07 0,35%	00 0,00%	05 0,75%	02 0,28%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,04%	0 0,00%	01 0,15%	0 0,00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2023	634	670	719
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2022 100%	634 100%	669 99,85%	719 100%
a	Học sinh xuất sắc/học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1246 61,59%	141 22,24%	554 82,69	551 76,63%
b	Học sinh giỏi/tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	674 33,32%	399 62,93%	110 16,42%	165 22,95%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,04	0 0,00%	01 0,15%	0 0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	8/1	2/0	6/0	0/1

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	113	21	24	68
1	Cấp tỉnh/thành phố	97	17	17	63
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	16	04	07	05
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	719	0	0	719
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	719/719 100.00%	0	0	719/719 100.00%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	99.0%	0	0	99.0%
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	1.0%	0	0	1.0%
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	887/1136	298/336	271/399	318/401
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	30	7	12	11

Nơi nhận:

- Công khai Website;
- Toàn thể viên chức đơn vị
- Lưu: VT.



Đỗ Dương cung